

Số: 203/QĐ-UBND

Krông Pa, ngày 21 tháng 1 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v điều chỉnh, giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2019**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PA**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định 21/2010/NĐ-CP ngày 08/03/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 26/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định quản lý công tác nội vụ thuộc tỉnh Gia Lai;

Thực hiện Nghị quyết số 136/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Gia Lai năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, giao chỉ tiêu biên chế công chức năm 2019 cho các phòng chuyên môn thuộc UBND huyện:

Tổng biên chế công chức là **86** biên chế. Trong đó: Biên chế công chức là **81**; Biên chế hợp đồng Nghị định 68/2000/NĐ-CP là **5**;

(Có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao. Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm quản lý và sử dụng hiệu quả chỉ tiêu biên chế của đơn vị, hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ, khối lượng công việc được giao.

Giao phòng Nội vụ và phòng Tài chính-Kế hoạch huyện hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch biên chế, điều chỉnh quỹ tiền lương và kinh phí cho các phòng chuyên môn thuộc huyện.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Tài chính-KH huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này thay thế các quyết định giao biên chế trước đây và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND huyện;
- TT HĐND huyện;
- Các phòng chuyên môn huyện;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Tô Văn Chánh**

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH, PHÂN BỐ LẠI BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của UBND huyện)

STT	Cơ cấu tổ chức bộ máy	Biên chế tỉnh giao năm 2019			Biên chế huyện giao năm 2018			Có mặt đến 01/2019			Phân bổ lại biên chế năm 2019			Tăng giảm năm 2019 so với phân bổ biên chế năm 2018			Ghi chú			
		Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế tỉnh	HĐLĐ theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo NĐ 68	Tổng số	Biên chế	HĐLĐ theo NĐ 68				
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>16</i>	<i>17</i>	<i>18</i>			
1	Văn phòng HĐND-UBND	86	81	5	23	19	4	21	17	4	23	19	4	0	0					
2	Phòng Nội vụ				7	7		7	7		7	7		7	7		0	0		
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo				8	8		7	7		7	7		7	7		-1	-1		
4	Phòng Tài chính-Kế hoạch				7	7		7	7		7	7		7	7		0	0		
5	Phòng Tài nguyên-Môi trường				6	6		4	4		4	4		6	6		0	0		
6	Phòng Lao động-TB&XH				7	6	1	5	4	1	7	6	1	7	6	1	0	0		
7	Phòng Nông nghiệp & PTNT				6	6		4	4		6	6		6	6		0	0		
8	Phòng kinh tế -Hạ tầng				6	6		4	4		6	6		6	6		0	0		
9	Phòng Tư pháp				4	4		3	3		3	3		3	3		-1	-1		
10	Thanh tra huyện				6	6		4	4		6	6		6	6		0	0		
11	Phòng Văn hoá và Thông tin				4	4		3	3		4	4		4	4		0	0		
12	Phòng Dân tộc				3	3		2	2		3	3		3	3		0	0		
13	Phòng Y tế				1	1		0	0		1	1		1	1		0	0		
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>86</b>	<b>81</b>	<b>5</b>	<b>88</b>	<b>83</b>	<b>5</b>	<b>71</b>	<b>66</b>	<b>5</b>	<b>86</b>	<b>81</b>	<b>5</b>	<b>-2</b>	<b>-2</b>	<b>0</b>				